

Sunglory

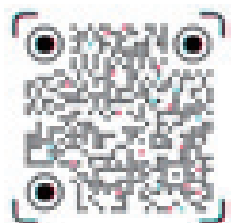


CÔNG TY TNHH SUNGLORY PLASTIC VIỆT NAM

盛格樂瑞橡塑（越南）有限公司

Địa chỉ: Nhà xưởng RBF.E4, Lô CN4-02, Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tel: 0084 0858221256 Website: <https://www.sunglorytpe.com>



SUNGLORY TIKTOK



SUNGLORY ZALO

SUNGLORY®

**NHÀ SẢN XUẤT TPE&TPR, GIÁP PHÁP VẬT
LIỆU MỀM MẠI VƯỢT TRỘI**

CONTENTS

1 Company Profile 01

2 TPE Introduction 07

2.1 What is TPE?	07	2.2 Classification	07	2.3 Processing	07
2.4 Advantages	08	2.5 Application	08		

3 Application Scenarios 09

3.1 Consumer goods	10	3.2 Automotive parts	12
3.3 Industrial supplies	14	3.4 Medical accessories	17

4 Product Catalog 19

4.1 GP100 Series	20	4.2 GP200 Series	21	4.3 GP210 Series	22
4.4 GP310 Series	23	4.5 GP320 Series	24	4.6 GP410 Series	25
4.7 GP420 Series	26	4.8 GP510 Series	27	4.9 GP520 Series	28
4.10 GP540 Series	29	4.11 GP550 Series	30	4.12 GP610 Series	31
4.13 GP640 Series	32	4.14 GP920 Series	33		

1 | Giới thiệu về công ty

SUNGLORY® — NHÀ SẢN XUẤT TPE&TPR, GIẢI PHÁP VẬT LIỆU MỀM MẠI VƯỢT TRỘI

Công ty TNHH SUNGLORY PLASTIC VIỆT NAM là một doanh nghiệp mới chuyên về quảng bá và sản xuất các hợp chất cao su tổng hợp mềm theo yêu cầu ứng dụng thuộc nhóm polymer của Elastomer Nhiệt dẻo (TPE). Các sản phẩm bao gồm elastomer nhiệt dẻo TPE/TPR (TPS, TPV, TPO, TPU, TPEE), nhựa biến tính, hạt màu chức năng và các lĩnh vực khác. Được sử dụng rộng rãi trong các ngành hàng tiêu dùng, phụ tùng ô tô, vật liệu công nghiệp và vật tư y tế.

♦ Giá trị cốt lõi

- **Đổi mới là động lực:** Chúng tôi cam kết đổi mới công nghệ và không ngừng thúc đẩy việc nâng cấp và mở rộng ứng dụng của các vật liệu TPE.
- **Chất lượng hàng đầu:** Tuân thủ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn cao, đảm bảo mỗi lô sản phẩm đều đạt chuẩn chất lượng quốc tế.
- **Hướng đến khách hàng:** Hiểu rõ nhu cầu của khách hàng, cung cấp các giải pháp tùy chỉnh và xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài.

♦ Sản phẩm và dịch vụ

- Cung cấp các loại vật liệu TPE khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn ở loại phổ thông, loại dùng trong thực phẩm, loại dùng trong y tế và loại có tính năng đặc biệt.
- Theo yêu cầu ứng dụng cụ thể của khách hàng, cung cấp dịch vụ tùy chỉnh công thức vật liệu và hỗ trợ kỹ thuật.
- Được trang bị đầy đủ các dây chuyền sản xuất hiện đại với máy đùn trực vít đôi, công suất hơn 10.000 tấn/năm.

♦ Thị trường mục tiêu

Vị trí thị trường của chúng tôi bao phủ nhiều ngành công nghiệp, bao gồm cả các thị trường cao cấp với các yêu cầu đặc biệt về tính chất vật liệu.

♦ Đội ngũ quản lý

Bao gồm các chuyên gia ngành công nghiệp cấp cao và những tài năng quản lý có tầm nhìn quốc tế, với kinh nghiệm phong phú trong ngành và cái nhìn thị trường tiên phong.

♦ Tầm nhìn công ty

Trở thành nhà cung cấp hàng đầu thế giới về vật liệu TPE, thúc đẩy sự phát triển của ngành và đạt được phát triển bền vững thông qua đổi mới công nghệ liên tục và dịch vụ khách hàng xuất sắc.

Sunglory

NHÀ SẢN XUẤT TPE&TPR, GIÁP PHÁP VẬT
LIỆU MỀM MẠI VƯỢT TRỘI





Phòng trưng bày sản phẩm



Phòng mẫu



Xưởng sản xuất



Phòng thí nghiệm



2 | Giới Thiệu Về TPE

SUNGLORY® —NHÀ SẢN XUẤT TPE&TPR, GIÁP PHÁP VẬT LIỆU MỀM MẠI VƯỢT TRỘI

“

Elastomer nhiệt dẻo (TPE), đôi khi được gọi là cao su nhiệt dẻo, là một nhóm các copolymer hoặc hỗn hợp vật lý của các polymer (thường là nhựa và cao su) có tính chất cả nhiệt dẻo lẫn đàn hồi.

TPE có thể thay thế PVC, cao su truyền thống và cao su silicone.

TPE thích hợp cho nhiều công nghệ gia công như đúc, ép đùn, không cần lưu hóa (không qua phản ứng hóa học) mà còn có khả năng lên màu cực đẹp. Sở hữu các đặc tính vật lý và hóa học độc đáo như chống trượt, chống rung, chống va đập và đàn hồi tốt. Nhựa TPE vừa có tính cứng của nhựa, vừa có tính đàn hồi của cao su, tính chất cơ lý tốt, tạo ra các sản phẩm có độ dẻo dai, đàn hồi, mềm và chống trơn trượt.

Nó tạo ra không gian rộng lớn cho việc phát triển sản phẩm mới theo yêu cầu và là một công cụ hữu hiệu trong tay các nhà thiết kế sản phẩm.

”



2.1 TPE là gì ?

Nhựa TPE (Thermoplastic Elastome) là 1 loại nhựa nhiệt dẻo có tính đàn hồi, chịu nhiệt tốt, dễ ứng dụng và rất an toàn vì trong thành phần của nó không chứa bất kỳ chất độc hại nào.

Nhựa TPE thường có khả năng cách nhiệt tốt, giúp bảo vệ sản phẩm khỏi ảnh hưởng của môi trường. Khả năng kháng thời tiết của nó là một ưu điểm quan trọng trong các ứng dụng ngoại thất. Có thể tái sử dụng ép đúc lại nhiều lần để giảm chi phí.

Các sản phẩm cụ thể có thể được ép lên các vật liệu cơ bản như PP, PE, PC, PS, ABS, AS, SAN, PETG, PCTG, PMMA và các loại vật liệu khác, hoặc cũng có thể được ép khuôn riêng biệt.



2.2 Phân loại

Hiện nay, trên thị trường có ba loại nhựa TPE được sử dụng phổ biến đó là nhựa dẻo đàn hồi Polyurethane (TPU), nhựa nhiệt dẻo lưu hóa (TPV) và nhựa nhiệt dẻo đàn hồi Polyether Ester (TPEE).

Loại polyme là một polyme đơn lẻ hỗn hợp polyme được tạo ra thông qua quá trình gia công đặc biệt từ.

Hai hoặc nhiều loại polyme trở lên.



2.3 Processing

TPE (Thermoplastic Elastomer) là loại vật liệu có tính chất của cả nhựa nhiệt dẻo và cao su đàn hồi, và quy trình gia công của nó thường bao gồm các bước như ép phun (injection molding), đùn (extrusion), hoặc tạo hình nhiệt (thermoforming). Quá trình này cho phép TPE có thể được nấu chảy và tái chế nhiều lần mà không mất đi tính đàn hồi.

◆ 2.4 Ưu điểm của TPE

Vật liệu TPE có các ưu điểm sau.:

- 1 Nhựa TPE dễ dàng gia công tạo ra các sản phẩm có độ đàn hồi và tính linh hoạt cao. Khả năng phối trộn linh hoạt của nó cũng giúp tạo ra các sản phẩm với độ cứng khác nhau, từ SHORE 0A đến SHORE 70D.
- 2 Lợi ích của việc sử dụng chất đàn hồi nhiệt dẻo là khả năng kéo giãn đến mức độ vừa phải và trở lại gần hình dạng ban đầu, tạo ra tuổi thọ dài hơn và phạm vi vật lý tốt hơn so với các vật liệu khác.
- 3 Vật liệu TPE dễ gia công và tạo hình, có thể được sản xuất thành nhiều hình dạng khác nhau thông qua ép phun, ép đùn, thổi khuôn hoặc đúc. TPE cũng có thể được hàn nhiệt.
- 4 Vật liệu TPE thể hiện khả năng chịu lạnh tốt với điểm giòn dưới -50°C và nhiệt độ sử dụng liên tục trên 70°C.
- 5 Vật liệu TPE, tùy thuộc vào nền polymer, có khả năng chống hóa chất tốt đối với hầu hết các hóa chất hàng ngày ở nhiệt độ phòng và khi ngâm trong thời gian ngắn.
- 6 Một số vật liệu TPE có khả năng chống mài mòn tuyệt vời. Những sản phẩm này được sử dụng rộng rãi trong các bộ phận ô tô, các sản phẩm công nghiệp như bánh xe.
- 7 Vật liệu TPE là vật liệu nhiệt dẻo và có thể được tái chế 100% mà không mất nhiều tính chất. Điều này giúp giảm chi phí và lượng chất thải sinh ra.
- 8 TPE dễ tạo màu bằng cách sử dụng bột màu hoặc các hạt màu masterbatch cơ bản.
- 9 Cảm giác bề mặt của TPE có thể được điều chỉnh từ mịn mượt cho dây đồng hồ đến độ bám dính giảm chấn rung cho tay cầm dụng cụ điện.
- 10 Vật liệu TPE thường không chứa các chất độc hại và đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn và bảo vệ môi trường liên quan.

◆ 2.5 Tính ứng dụng

Hàng tiêu dùng : Vật liệu TPE có nhiều đặc tính đa dạng, cho phép thiết kế mới các sản phẩm như đồ chơi, văn phòng phẩm, đồ gia dụng và bao bì đồ uống.

Các bộ phận ô tô : Vật liệu TPE do có tính kháng thời tiết, kháng hóa chất và độ đàn hồi nên được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực ô tô, dùng để sản xuất thảm chân, đệm ghế, gioăng, chấn bunn, khớp nối ống và các phụ kiện trang trí bên trong và bên ngoài xe.

Sản phẩm công nghiệp : Vật liệu TPE có thể được sử dụng để sản xuất các phần có chức năng bịt kín và (hoặc) bảo vệ cho thiết bị điện và điện tử, công cụ và thiết bị, van nước uống, thiết bị nhà bếp, xây dựng và các thiết bị gia dụng hàng ngày.

Sản phẩm y tế : Vật liệu TPE có tính tương thích sinh học, được sử dụng rộng rãi trong sản xuất thiết bị y tế và bao bì dược phẩm, như ống y tế, gioăng, tay cầm, dây garô, ống nhỏ giọt, nắp chai thuốc, v.v.

Tóm lại, nhờ tính dễ tạo hình, tính đàn hồi và độ bền của vật liệu TPE, nó được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau, đáp ứng yêu cầu của nhiều loại sản phẩm.

3 | Ứng dụng của hạt nhựa TPE

SUNGLORY® —NHÀ SẢN XUẤT TPE&TPR, GIÁP PHÁP VẬT LIỆU MỀM MẠI VƯỢT TRỘI



①

Hàng tiêu dùng



②

Phụ tùng ô tô



③

Sản phẩm công nghiệp



④

Sản phẩm y tế

3.1 Hàng tiêu dùng



◆ Đồ chơi

1. Đồ chơi trẻ em: Nút vú giả cho bé, búp bê, ô tô đồ chơi, bóng đánh, bóng nước, đồ chơi nhai malt, nhện, thằn lằn và các loại đồ chơi khác, xích đu, v.v.
2. Sản phẩm dành cho người lớn: Da giả, v.v.
3. Đồ chơi cho thú cưng: Đĩa bay cho thú cưng, bóng đồ chơi cho thú cưng, xương cho chó, v.v.
4. Giải trí và giải trí: Mồi câu giả, đồng xu chip, v.v.



◆ Văn phòng phẩm

Bao bì cảm giác mềm mại, giá đỡ bút, cục tẩy, bìa hồ sơ, kéo văn phòng, để chống trượt của dập ghim và vỏ đầu, hộp bút, tay cầm dao đa năng, v.v.



◆ Vật dụng hàng ngày

Máy in 3D, dụng cụ tập thể hình, gậy bóng chày, gậy golf, gậy bóng bàn, máy chạy bộ, máy massage chân, thiết bị làm đẹp mặt, xe đẩy trẻ em, xe đạp, xe cút kit, vỏ tay cầm xe tay ga, đệm phanh ván trượt, bánh xe giảm âm chống mài mòn, dép, giày mưa, áo mưa, giày ếch, kính lặn, thiết bị trôi biển, gối, đồ lót nữ, lớp phủ vải Oxford, vải không dệt dùng cho lều, túi, lớp lót, băng vệ sinh và tã, vỏ giá treo quần áo, lớp vỏ đầu gối, vật liệu làm giày, thảm yoga, thảm sàn, thảm chống trượt, thảm cách nhiệt, khăn trải bàn, vòng tay chống muỗi, máy massage, thuốc lá điện tử, cọ trang điểm, gioăng nắp chai nước hoa, tay cầm bàn chải đánh răng, tay cầm lược, găng tay, áo khoác, cốc nước, túi đựng kính, giỏ giặt, miếng đệm nắp hộp thực phẩm, thớt gấp, thùng rác gấp, bồn tắm chân gấp, giỏ rau gấp, chậu rửa mặt, bồn tắm gấp, khăn cọ, rèm tắm, mặt nạ, ống thoát nước khử mùi, vòi xả phòng rửa bát, vòng tay sát khuẩn tay, đầu bàn chải vệ sinh toilet, vỏ tay cầm bình sữa, tay cầm dụng cụ ăn uống cho trẻ em, hộp thực phẩm, gioăng nắp hộp thực phẩm, tay cầm dụng cụ nhà bếp, lớp phủ cách nhiệt chống trượt cho hộp thực phẩm, thanh trứng, máy sấy tóc, vỏ tay cầm máy cạo râu, bàn ủi điện, bàn chải đánh răng điện, ống nước, cốc hút, bánh xe hành lý, tay cầm hành lý được phủ đồng, đầu khóa hành lý, thớt phủ đồng, vải TPE, kính lặn TPE in 3D.



◆ Bao bì đồ uống

1. Nút chai rượu, bia
2. Miếng đệm nắp chai nước uống
3. Miếng đệm nắp chai bia
4. Nắp chai



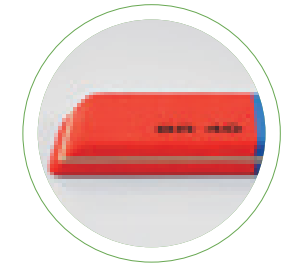
Gặm nướu cho bé



Lốp xe đồ chơi



Bánh xe và tay cầm hành lý



Tẩy



Đế giày Foam



Đầu và tay cầm cọ trang điểm



Thảm yoga



Nút chai rượu



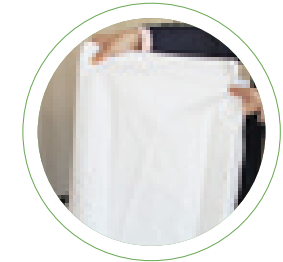
Nắp chai bia



Nắp chai nước trái cây



Thực phẩm Jar Cap Gasket



Vải TPE



Gioăng nắp chai bia được làm từ vật liệu GP210-7522 của Sunglory

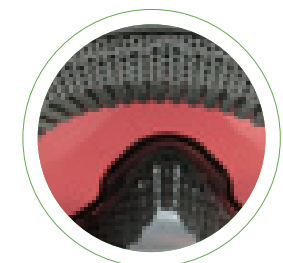
Đặc điểm sản phẩm :

Sử dụng vật liệu TPE (Elastomer nhiệt dẻo) làm miếng đệm nắp chai có thể thay thế nút cao su silicone và nhựa PVC là thị trường nhiều tiềm năng trong tương lai.

An toàn và thân thiện với môi trường: Không chứa chất hóa dẻo và phụ gia lưu hóa, không gây hại cho cơ thể con người, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tiêu chuẩn cấp thực phẩm, có thể tái chế, không ô nhiễm môi trường.

Tính linh hoạt trong thiết kế: Có thể gia công ép phun, đúc khuôn, dễ dàng tạo hình sản phẩm theo yêu cầu, vật liệu nắp chai TPE có thể tùy chỉnh cho nắp chống trượt và các sản phẩm chống hàng giả bằng phun mực.

Hiệu suất vượt trội: Có thể kết hợp với nhiều loại vật liệu khác nhau, có khả năng chịu lực và chịu nhiệt tùy theo yêu cầu của mỗi loại sản phẩm.



Kính bảo hộ trượt tuyệt TPE in 3D

◆ 3.2 Phụ tùng ô tô

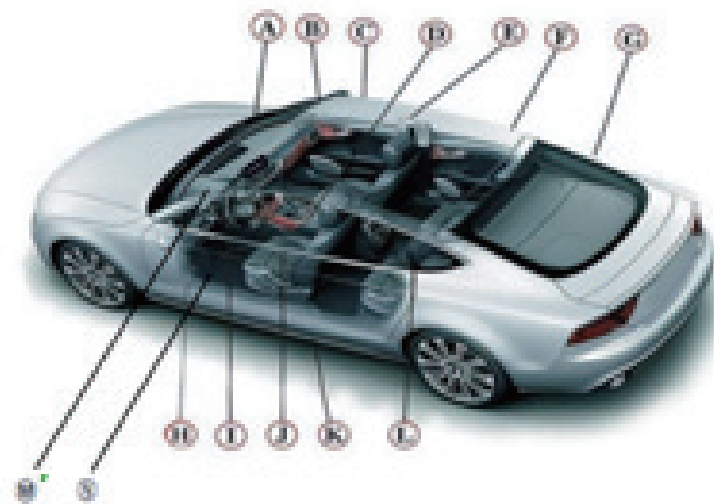
Sử dụng vật liệu TPE (Elastomer nhiệt dẻo) cho ngành công nghiệp ô tô đang là thị trường đang đầy tiềm năng. Sản phẩm của chúng tôi được thiết kế để đáp ứng các yêu cầu của nội thất và ngoại thất ô tô. Chúng tôi có thể điều chỉnh thông số kỹ thuật của vật liệu để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

◆ Nội thất ô tô

1. Nắp túi khí
2. Ống bảo vệ cần số
3. Bọc vô lăng
4. Vỏ bọc dây điện

◆ Ngoại thất ô tô

Vỏ chắn bụi xe, lưới gạt mưa, thảm chân đúc, thảm chân nhựa, thảm chân phủ, khung viền kính chắn gió trước, dải viền kín kính chắn gió trước, lớp phủ mui xe, dải kín cửa sổ trời, viền mui xe, viền kính sau, dải bên, rãnh kính nội thất, rãnh kính ngoại thất, lớp phủ thảm, viền cửa sổ tam giác, lót ly ô tô, ăng-ten ô tô, cản xe, chắn bùn, nắp bánh xe, gioăng giá đỡ hành lý, dải kín hành lý, ống thông gió, ống dẫn điều hòa, v.v.



- A. Khung gioăng kính chắn gió trước
B. Dải gioăng kính chắn gió trước
C. Dải mái che trên nóc xe
D. Bảo vệ cần số
E. Dải gioăng cửa sổ trời

- F. Viền mái
G. Viền kính chắn gió sau
H. Dải bên
I. Kênh kính nội thất
J. Kênh kính ngoại thất

- K. Lốp thảm trải
L. Cửa sổ hình tam giác
M. Cần gạt nước kính chắn gió
N. Thảm lót chân



Bọc vô lăng xe hơi



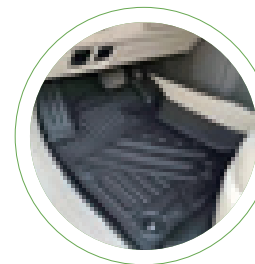
Tay áo và tay cầm cho xe



Đầu túi khí



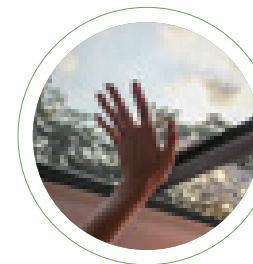
Cần gạt nước kính chắn gió



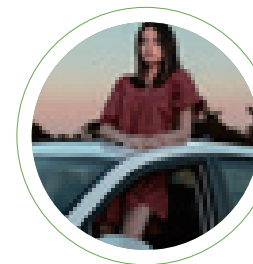
Thảm chân ô tô



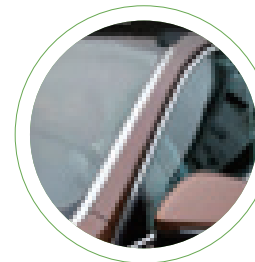
Khung kính chắn gió phía trước



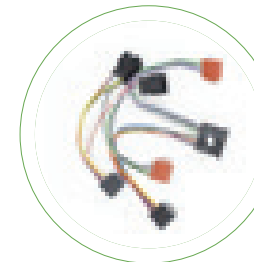
Dải niêm phong cửa sổ trời



Dải niêm phong kính chắn gió phía trước



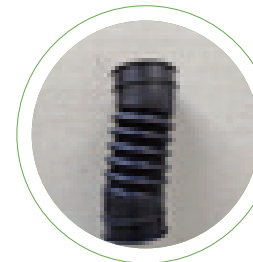
Lanyard kính chắn gió phía trước



Cáp khởi động



Viền mái xe ô tô



Ống dẫn gió



Ví dụ thực tế Thảm chân ô tô được làm từ GP 520 - 85BK-2 hoặc GP520-90BK hoặc GP520-80BK cộng với GP520 - 85BK của Sunglory

Đặc điểm sản phẩm :

- (1) Khả năng Kháng thời tiết và chống tia UV
- (2) Khả năng chống mài mòn
- (3) Khả năng đúc nhựa nhiều thành phần cao, đúc chồng tốt trên nền PP, ASA, PC, PC /ABS, và PMMA
- (4) Chất lượng bề mặt xuất sắc
- (5) Hàm lượng VOC thấp
- (6) Sản phẩm thân thiện với môi trường, tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường như REACH, ROHS,
- (7) Đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chống cháy UL94 V-0

◆ 3.3 Vật liệu công nghiệp

Sunglory cam kết sử dụng vật liệu TPE chuyên dụng cho các ngành công nghiệp. Sản phẩm của chúng tôi luôn đem lại giá trị cho khách hàng và cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quốc tế như Chống cháy, chống tia UV, tiếp xúc với thực phẩm .v.v.

◆ Điện và điện tử

Sản phẩm chính bao gồm :

1. Vỏ cáp và gioăng nối: Cáp sạc điện thoại di động, cáp dữ liệu USB, cáp tai nghe, cáp mạng, dây nguồn, dây sạc, và các cáp điện năng thấp khác, phích cắm, đầu nối, cáp chống cháy và dây harness, v.v.v.
2. Vỏ thiết bị, phím bấm, miếng dán chống trượt, chống va đập và giảm tiếng ồn: vỏ thiết bị âm thanh cao cấp, MP4, bộ nhớ, vỏ điện thoại di động, giá đỡ điện thoại di động, máy ảnh, máy ảnh kỹ thuật số, máy quay phim kỹ thuật số, phím máy tính, đầu phát DVD, thiết bị trò chơi video, máy chơi game, tai nghe, bộ định tuyến, thiết bị truyền dữ liệu không dây, bánh xe chuột, miếng lót chuột, giá đỡ/để điện tử, vòng đeo tay điện tử, đồng hồ thông minh, từ điển điện tử, máy học cầm tay, v.v.
3. Công tắc: công tắc khởi động ô tô, công tắc nâng cửa sổ, công tắc bảng điều khiển trung tâm, công tắc điều chỉnh cửa sổ, công tắc điều chỉnh gương chiếu hậu, công tắc điều chỉnh ghế, điều khiển từ xa.
4. UAV (máy bay không người lái): tay cầm UAV, thân và khung mềm UAV, hỗ trợ mặt đất và hạ cánh của UAV (chống rơi), cánh quạt UAV (chống rung).

◆ Dụng cụ và thiết bị

Sản phẩm chính bao gồm :

1. Vỏ tay cầm: cửa điện, máy khoan, kéo làm vườn, tua vít, kéo văn phòng phẩm, bay, mỏ lết, cửa tay, cờ lê, búa, dao, v.v.
2. Vỏ nút bấm, vỏ thiết bị đo lường, vỏ phích cắm điện, vỏ dây cáp: đồng hồ điện vạn năng, máy đo khoảng cách laser, bút thử điện, lò ấp, lò nướng, bàn rung, thiết bị lão hóa, nhiệt kế, cặp nhiệt điện, thiết bị dẫn nhiệt, cân nhiệt điện, cân điện tử, máy chiếu, máy đo tọa độ, máy quang phổ, máy quang phổ hồng ngoại, máy sắc ký khí, máy sắc ký lỏng, máy khối phổ, máy sắc ký ion, máy phát hiện khí, máy phân tích chất lượng nước, máy đo âm thanh, máy đo mức nước, máy phân tích phổ, đồng hồ bấm giờ, thiết bị sạc và tính giờ điện tử, máy đóng gói định lượng, máy toàn đạc, máy quét laser 3D, máy quang phổ, kính hiển vi, máy hiện sóng, máy kiểm tra cơ học, máy đo độ cứng, v.v.

◆ Van ống nước

Các ứng dụng sản phẩm chính bao gồm: đầu vòi sen, hệ thống tưới nước.

◆ Thiết bị nhà bếp

Các sản phẩm được sử dụng trong nút bấm, gioăng, miếng đệm giảm sóc, vỏ, cáp, phích cắm và hộp chứa: máy xay sinh tố tốc độ cao, tủ lạnh, bếp ga, lò vi sóng, lò nướng điện, bếp từ, máy hút mùi nhà bếp, tủ khử trùng, máy rửa chén, nồi hấp trứng, nồi cơm điện, máy ép trái cây, máy nước nóng, ấm điện, nồi áp suất điện, máy lọc nước, nồi hấp điện, v.v.

◆ Vật liệu công trình

Các sản phẩm chính bao gồm : khung cửa và cửa sổ, vỏ bảo vệ ống, đường chạy nhựa, ống nước điều hòa, băng kết nối chống thấm, khớp nối ống nước, cuộn chống thấm, hệ thống lọc nước (hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống lưu trữ không gian ngầm, hệ thống thoát nước riêng biệt), hệ thống thông gió, v.v.

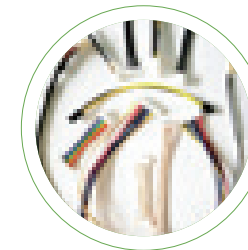
◆ Thiết bị gia dụng

Sự đa dạng trong thiết kế của vật liệu TPE có thể được áp dụng trong hầu hết các thiết bị gia dụng, chủ yếu được sử dụng trong các bộ phận đúc chông, gioăng, ống nước, đệm giảm sóc, dải chống va chạm, v.v. Do tính phức tạp của quy trình và chi phí lao động cao, TPE đang dần thay thế một phần thị trường cao su ban đầu.

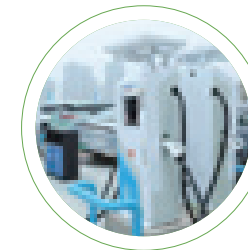
Các sản phẩm chính bao gồm : robot hút bụi, máy xay sinh tố, máy pha cà phê, bếp sóng ánh sáng, máy lọc nước, máy điều hòa, quạt điện, máy lọc không khí, máy tạo ẩm, máy hút ẩm, lò sưởi, tủ đông nhỏ, quạt tuần hoàn không khí, máy nước nóng điện, đèn phòng tắm, máy giặt, máy sấy, máy sấy tóc điện, radio, TV, đầu thu set-top box, Chống trượt Mat, v.v.



Ốp điện thoại



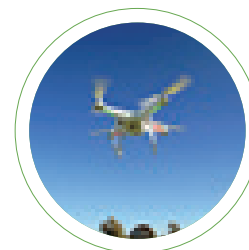
Vỏ bọc cáp USB



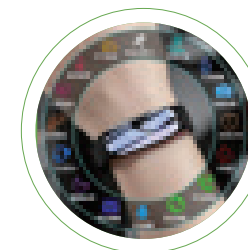
Vỏ bọc dây cáp trụ sạc



Bánh xe chuột bàn phím



Thân máy bay UAV



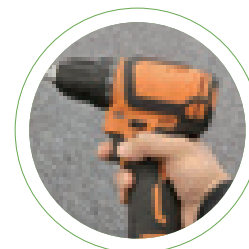
Vòng đeo tay điện tử



Vỏ kết nối



Đầu hút giá đỡ điện thoại



Tay cầm khoan điện



Đầu vòi phun hoa sen



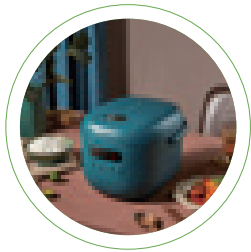
Đầu nối ống và gioăng



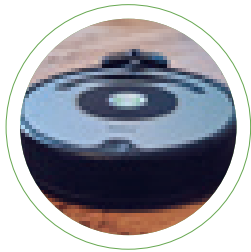
Các nút đệm chống sóc của máy xay sinh tố



Các linh kiện tủ lạnh và khay đá



Tay cầm, nắp, nút ấn và gioăng trong nồi cơm điện



Bàn chải sàn, dải chống va đập, nắp trên, vòng đệm và nút bấm của robot hút bụi



Nẹp cửa sổ



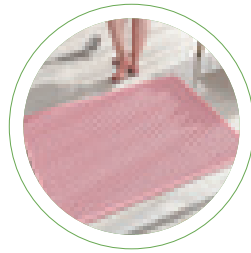
Tấm thảm nhựa cho đường chạy



Linh kiện điều hòa



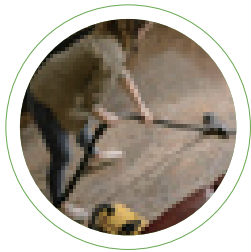
Thân thùng máy giặt, vòng đệm tấm đệm, dây nguồn, ống dẫn nước



Thảm chống trượt



Đệm chống sốc. Nút, vòng đệm, nắp và tay cầm cho máy xay



Cọ sàn, dải chống va chạm, tay cầm máy hút bụi



Ví dụ thực tế
Tay cầm máy pha cà phê, đế chống sốc, nút bấm, và dải tách cà phê

Đặc điểm sản phẩm :

- (1) Thoải mái và chống trượt
- (2) Giảm tiếng ồn
- (3) Thiết kế đa dạng và phong phú
- (4) Đạt yêu cầu an toàn thực phẩm
- (5) Kháng hóa chất
- (6) Chống tia UV

3.4 Vật tư y tế

Chúng tôi cung cấp các giải pháp TPE y tế tùy chỉnh để giúp bạn thiết kế các công nghệ y tế tiên tiến. Nguyên liệu thô của chúng tôi có chất lượng vượt trội, an toàn vệ sinh, ổn định và tương thích sinh học, giúp chúng tôi tạo ra những điều kỳ diệu cho khách hàng thông qua hóa học. Các hợp chất này cung cấp các giải pháp vật liệu chất lượng cao và tuân thủ các yêu cầu về độc tính tế bào theo ISO10993 Phần 5 và Phần 10, cũng như các yêu cầu về sốc phản vệ.

Các sản phẩm TPE đặc biệt này có những tính năng sau:

1. Không chứa kim loại nặng và phthalates, không chứa latex và PVC
2. Bán trong suốt hoặc trong suốt
3. Có thể khử trùng và tiệt trùng

Ưu điểm

Vật liệu TPE của chúng tôi đạt tiêu chuẩn y tế, tuân thủ quy định, sạch và tinh khiết, đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn quy trình.

- (1) Công thức cấu trúc đặc biệt chống vi khuẩn đã vượt qua kiểm tra ASTM WK66122, và tỷ lệ chống vi khuẩn đạt 99,999%
- (2) Độ bền và tính linh hoạt
- (3) Có thể tái chế
- (4) Có thể xử lý bằng quy trình đúc phun và ép đùn
- (5) Thông qua ép phun đa thành phần, đúc phủ lên polyolefin (PP, PE, COC, COP) và nhựa kỹ thuật (như ABS, PC, PET-G và polyamide)
- (6) Ma sát thấp, độ đàn hồi cao
- (7) Đặc tính biến dạng nén tuyệt vời
- (8) Độ trong suốt cao và tùy chọn màu sắc sẵn có

Kỹ thuật y tế

TPE đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe thông minh và thiết bị y tế. Elastomer nhiệt dẻo có tính công thái học, hiệu quả về chi phí và sở hữu chức năng thiết kế vượt trội.

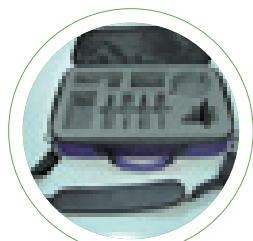
Các sản phẩm chính: vải phẫu thuật y tế, găng tay phẫu thuật, garô dùng một lần, ống tiêm, ống truyền dịch, buồng nhỏ giọt, khẩu trang y tế, màng, ống, niềng, hộp đựng dụng cụ y tế chống thấm nước, đệm bàn mổ, và nhiều sản phẩm khác.

Chuẩn đoán y tế

Sản phẩm chủ yếu: máy phân tích máu, máy đo huyết áp, máy phân tích sinh hóa, thiết bị hình ảnh y tế (máy X-quang, máy chụp CT, máy cộng hưởng từ hạt nhân, máy siêu âm), máy điện tim, kính hiển vi sinh học, ống y tế, máy đo thính lực, ống nghe, v.v.

Bao bì của thuốc

Các sản phẩm bao bì thuốc được làm bởi chất liệu TPE có chức năng chống nước, chống ánh nắng mặt trời, chống ẩm và các chất gây ô nhiễm sinh học, phù hợp với việc bảo quản dược phẩm và được thiết kế riêng biệt phù hợp cho các yêu cầu của ngành công nghiệp này.



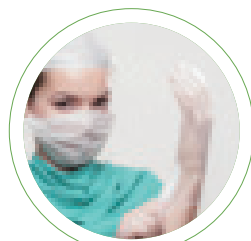
Vòng đệm, bộ phận tách và chốt của hộp đựng dụng cụ y tế chống thấm nước



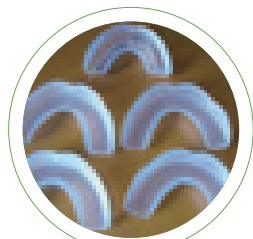
Van truyền, ống mềm, buồng nhỏ giọt, van dừng



Kim tiêm nắp, xi lanh, vòng đệm và piston xi lanh



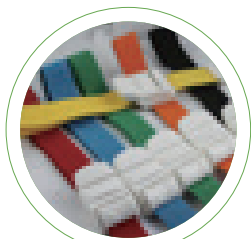
Găng tay y tế



Niềng răng



Tấm lót bàn mổ



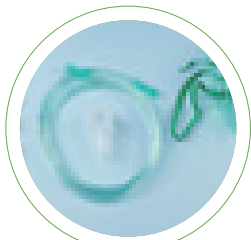
Dây thun garô dùng một lần, nút bấm, nắp chống nổi lông, giá đỡ và van căng



Dụng cụ làm đẹp, chăm sóc da



Cáp tín hiệu ống nghe và nút tai



Ống y tế



Nút bấm và vòng đeo tay theo dõi huyết áp



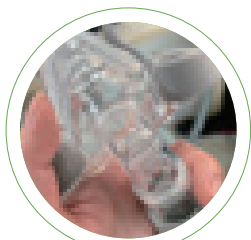
Nắp lọ thuốc niêm phong



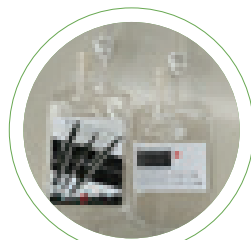
Máy vệ sinh tai



Bóng vệ sinh tai



Mặt nạ



Túi plasma



Dụng cụ phẫu thuật

Đặc điểm sản phẩm :

- (1) Khả năng làm kín tuyệt vời, độ đàn hồi cao, chống rách.
- (2) Tuân thủ yêu cầu về độc tính tế bào theo tiêu chuẩn ISO10993 PHẦN 5 & PHẦN 10 về độc tính tế bào và phản ứng dị ứng.
- (3) Công thức cấu trúc đặc biệt chống khuẩn đã vượt qua bài kiểm tra ASTM WK66122, với tỷ lệ chống khuẩn đạt 99,999%.
- (4) Không biến dạng, không phai màu khi đun sôi ở nhiệt độ 100°C.

4 | Danh mục sản phẩm

SUNGLORY® —NHÀ SẢN XUẤT TPE&TPR, GIÁP PHÁP VẬT LIỆU MỀM MẠI VƯỢT TRỘI

Dòng sản phẩm trong suốt	GP100	GP200	GP210	
Chất liệu	SBC	HSBC	HSBC	
Phạm vi độ cứng	5A - 70D	700 50A	10A to 60D	
Màu nguyên bản	Trong suốt	Trong suốt	Bán trong suốt	
Mục đích sử dụng chính	Đồ chơi	Đồ dùng dành cho người lớn	Vật dụng hàng ngày, Đồ chơi trẻ em, đóng gói thực phẩm	
Dòng sản phẩm ép chồng	GP310		GP320	
Chất liệu	HSBC, TPU		HSBC	
Phạm vi độ cứng	40A to 90A		40A to 90A	
Màu nguyên bản	Trắng		Trắng	
Mục đích sử dụng chính	Vật dụng hằng ngày, cán cầm thiết bị điện, phụ tùng trang trí nội ngoại thất ô tô		Cán cầm thiết bị	
Dòng sản phẩm chứa dầu	GP410		GP420	
Chất liệu	SBC		SBC	
Phạm vi độ cứng	10A - 95A		10A - 95A	
Màu nguyên bản	Trắng		Trắng	
Mục đích sử dụng chính	Búp bê đồ chơi		Đồ chơi, chất liệu làm giày	
Dòng vật dụng thông thường	GP510	GP520	GP540	GP550
Chất liệu	SBC	HSBC	HSBC	HSBC
Phạm vi độ cứng	10A to 95A	10A to 95A	55A to 95A	45A to 95A
Màu nguyên bản	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng
Mục đích sử dụng chính	Lốp xe đồ chơi, cán tay cầm , Tấm Gioăng đệm	Bàn chải đánh răng, bánh xe, khay đá, lốp xe đồ chơi, thảm, nút ấn, nội thất trong và ngoài xe	Vỏ bọc dây cáp	Nhựa ép đùn
Vật dụng công năng	GP610		GP640	
Chất liệu	EPDM		HSBC	
Phạm vi độ cứng	40A to 90A		60A to 95A	
Màu nguyên bản	Trắng		Trắng	
Mục đích sử dụng chính	Giải nhiệt phong chịu nhiệt		Thiết bị điện tử	
Nhựa biến tính	GP920			
Chất liệu	PP			
Phạm vi độ cứng	63D to 80D			
Màu nguyên bản	Trắng, trong suốt			
Mục đích sử dụng chính	Đồ điện gia dụng, bao bì, hộp thực phẩm			

4.1 GP100 Series

Thành phần	SBC
Độ cứng	5A to 70D
Màu sắc	Trong suốt
Đặc điểm	Độ kéo giãn cao, Độ đàn hồi cao, dễ tạo màu và sơn phủ, tái chế hoàn toàn
Ứng dụng	Đồ chơi trẻ em, đồ chơi thú cưng, đồ chơi trong suốt, Thiết bị thể thao
Quy trình xử lý	Ep phun / đúc thổi
Vật liệu nền để ép chồng	PS, PC, ABS

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo dãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTMD412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP100-0501	5A	2	1200	0.9	100(200°C /0.325kg)
GP100-1001	10A	2.7	970	0.89	30(200°C /2.16kg)
GP100-2001	20A	3.0	900	0.89	20(200°C /2.16kg)
GP100-3001	30A	3.5	900	0.92	25(200°C /2.16kg)
GP100-4001	40A	4.0	800	0.92	60(200°C /2.16kg)
GP100-5001	50A	4.5	800	0.92	50(200°C /2.16kg)
GP100-6001	60A	5.0	700	0.92	55(200°C /2.16kg)
GP100-7001	70A	7.0	700	0.94	20(200°C /2.16kg)
GP100-8001	80A	10.0	700	0.94	7(200°C /2.16kg)
GP100-9001	90A	11.0	700	0.95	8(200°C /2.16kg)
GP100-5001D	50D	12.0	700	0.98	10(200°C /2.16kg)
GP100-6001D	60D	13.0	600	0.98	3(200°C /2.16kg)
GP100-7001D	70D	14.0	500	0.98	3(200°C /2.16kg)

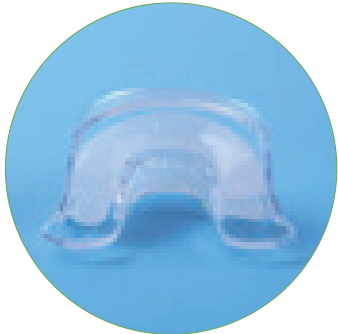
4.2 GP200 Series

Thành phần	HSBC, Dầu khoáng
Độ cứng	700 to 50A
Màu sắc	Trong suốt
Đặc điểm	Mềm mại, Khô ráo và dễ chịu, Độ trong suốt cao, có thể tái chế hoàn toàn
Ứng dụng	Quả bóng lông, Bóng nước, Búp bê, da của thú cưng ảo, Da nhân tạo, Mặt nạ, Sản phẩm cho người lớn
Quy trình xử lý	Ep phun, Đúc khuôn
Vật liệu nền để ép chồng	PP, PC

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo dãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTMD412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore 00 / A	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP200-0701Q	7 00	2.5	1200	0.84	27(150°C /1kg)
GP200-1501Q	15 00	2.7	1100	0.84	14(150°C /1kg)
GP200-2501Q	25 00	2.7	1100	0.84	3(150°C /1kg)
GP200-4001Q	40 00	3.0	1000	0.84	2(150°C /1kg)
GP200-0501	5A	3.0	900	0.85	6(150°C /1kg)
GP200-1001	10A	3.4	700	0.86	4(150°C /1kg)
GP200-2001	20A	3.5	650	0.87	3(150°C /1kg)
GP200-3001	30A	3.6	650	0.87	4(150°C /1kg)



Da búp bê



Niềng răng



Bóng đồ chơi

4.3 GP210 Series

Thành phần	HSBC, Dầu khoáng, PP
Độ cứng	20A to 60D
Màu sắc	Bán trong suốt
Đặc điểm	Khả năng chống mài mòn cao, chịu nhiệt độ tốt, chịu thời tiết cao, cảm giác cầm tay tốt, dễ tạo màu, cấp tiếp xúc với thực phẩm, an toàn, thân thiện với môi trường và không độc hại
Ứng dụng	Đồ chơi trẻ em, nhu yếu phẩm hàng ngày, niêm phong thực phẩm
Quy trình xử lý	Ép phun, đúc thổi, ép đùn
Vật liệu nền để ép chồng	PP, PE, PP+GF

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP210-2004	20A	4.0	750	0.88	3(200°C /2.16kg)
GP210-3004	30A	4.5	750	0.88	4(200°C /2.16kg)
GP210-4004	40A	5.0	750	0.88	25(200°C /2.16kg)
GP210-5004	50A	5.0	750	0.88	35(200°C /2.16kg)
GP210-6004	60A	6.0	750	0.88	29(200°C /2.16kg)
GP210-7004	70A	7.5	700	0.88	24(200°C /2.16kg)
GP210-8004	80A	10.0	700	0.89	16(200°C /2.16kg)



Ghế nhỏ



Đồ chơi Tank



Ống nước

4.4 GP310 Series

Thành phần	HSBC, TPU, TPU thêm TPE biến tính
Độ cứng	40A to 90A
Màu sắc	White
Đặc điểm	Độ bám dính cao, độ bền chống xé rách cao, Độ chống xước cao, dễ tạo màu, có thể tái chế hoàn toàn, cần sấy trước
Ứng dụng	Vật dụng thông thường, Tay cầm dụng cụ điện, Phụ tùng trang trí nội ngoại thất ô tô
Quy trình xử lý	Ép phun, ép đùn
Vật liệu nền để ép chồng	ABS, PC, AS, PMMA, PETG

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP310-553A	55A	4.5	650	1.05	17(200°C /5kg)
GP310-6003	65A	5.5	500	1.05	12(200°C /2.16kg)
GP310-7003	70A	5.9	400	1.05	10(200°C /2.16kg)
GP310-8003	80A	6.5	400	1.06	8(200°C /2.16kg)
GP310-7501	75A	24	680	1.20	13(200°C /1kg)
GP310-8501	85A	36	660	1.21	10(200°C /2.16kg)



Tay cầm khoan điện



Ốp lưng điện thoại



Vỏ thước dây

4.5 GP320 Series

Thành phần	HSBC, Dầu khoáng
Độ cứng	40A to 90A
Màu sắc	Trắng
Đặc điểm	Mềm, Chống trượt, Khả năng lên màu tốt, Dễ gia công, Có thể tái chế hoàn toàn, Cần phải sấy khô trước
Ứng dụng	Tay cầm dụng cụ
Quy trình xử lý	Ép phun
Vật liệu nền để ép chồng	PA, PA+GF

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP320-4501	45A	2.5	450	1.08	15(200℃ /2.16kg)
GP320-5501	55A	2.8	450	1.08	18(200℃ /2.16kg)
GP320-6501	65A	2.8	600	1.08	25(200℃ /2.16kg)
GP320-7001	70A	3	550	1.10	40(200℃ /2.16kg)
GP320-7501	75A	3.5	400	1.10	25(200℃ /2.16kg)



Chuột máy tính I



Tay cầm búa



Tay cầm tô vít

4.6 GP410 Series

Thành phần	SBC, Dầu khoáng
Độ cứng	10A to 95A
Màu sắc	Trắng
Đặc điểm	Độ kéo giãn cao, mô men xoắn cao, độ đàn hồi cao, dễ tạo màu và phủ màu, có thể tái chế hoàn toàn
Ứng dụng	Đồ chơi búp bê
Quy trình xử lý	Ép phun
Vật liệu nền để ép chồng	PS

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP410-8202	82A	11.4	500	0.97	10(200℃ /5kg)
GP410-8702	87A	11.6	500	0.97	12(200℃ /5kg)
GP410-9202	92A	12.1	450	0.98	13(200℃ /5kg)
GP410-9702	97A	12.5	300	0.98	9(200℃ /5kg)
GP410-35	35A	3.5	700	0.94	25(200℃ /2.16kg)
GP410-45	45A	4.0	650	0.95	20(200℃ /2.16kg)
GP410-55	55A	4.5	600	0.95	18(200℃ /2.16kg)
GP410-65	65A	5.0	550	0.95	15(200℃ /2.16kg)



Hình ảnh búp bê



Búp bê Fox



Búp bê thỏ

4.7 GP420 Series

Thành phần	SBC, PS, Filler
Độ cứng	10A to 95A
Màu sắc	White
Đặc điểm	Độ kéo giãn cao, độ đàn hồi cao, dễ tạo màu và phủ màu, có thể tái chế hoàn toàn
Ứng dụng	Đồ chơi, Chất liệu giày
Quy trình xử lý	Ép phun, ép thổi (thổi khuôn)
Vật liệu nền để ép chồng	

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm³	g/l0min
GP420-4003	40A	3.5	450	1.08	20(200°C /2.16kg)
GP420-5003	50A	4.0	450	1.08	15(200°C /2.16kg)
GP420-6003	60A	4.3	400	1.08	10(200°C /2.16kg)
GP420-7003	70A	4.8	400	1.09	8(200°C /2.16kg)
GP420-8003	80A	5.5	350	1.09	5(200°C /2.16kg)
GP420-9003	90A	6.3	300	1.10	3(200°C /2.16kg)



Xe đồ chơi



Máy xúc đồ chơi



Đế giày

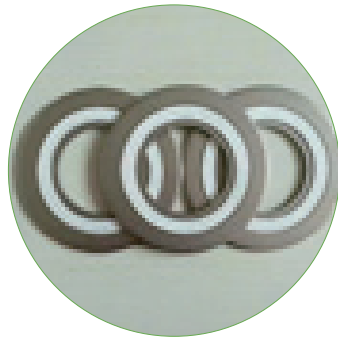
4.8 GP510 Series

Thành phần	HSBC, SBC, PP, PE, OIL
Độ cứng	10A to 95A
Màu sắc	White
Đặc điểm	Chịu lực căng cao, Độ đàn hồi cao, Dễ gia công, Có thể tái chế hoàn toàn
Ứng dụng	Da lốp xe đồ chơi, Tay cầm, Gioăng tấm
Quy trình xử lý	Ép phun
Vật liệu nền để ép chồng	PP, PE

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm³	g/l0min
GP510-5003	50A	4.0	600	1.06	50(200°C /2.16kg)
GP510-6003	60A	4.5	550	1.06	45(200°C /2.16kg)
GP510-7003	70A	5.2	550	1.06	42(200°C /2.16kg)
GP510-8003	80A	6.3	500	1.06	38(200°C /2.16kg)
GP510-8503	85A	6.8	500	1.06	35(200°C /2.16kg)
GP510-5009	50A	2.5	450	1.15	60(200°C /2.16kg)
GP510-6009	60A	2.8	450	1.15	55(200°C /2.16kg)
GP510-7009	70A	3.2	400	1.15	50(200°C /2.16kg)



Lốp đồ chơi



Tấm gioăng



Tay cầm

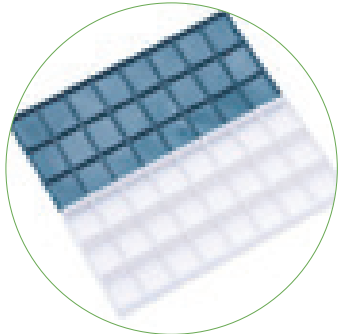
4.9 GP520 Series

Thành phần	HSBC, PP, Filler, PE
Độ cứng	10A to 90A
Màu sắc	Trắng
Đặc điểm	Có khả năng chịu lực căng cao, Độ đàn hồi tốt, Dễ gia công, Có thể tái chế hoàn toàn
Ứng dụng	Bàn chải đánh răng, Bánh xe xoay, Khay đá, Lốp xe đồ chơi, Thảm xe hơi, Nút điện
Quy trình xử lý	Ép phun
Vật liệu nền để ép chồng	PP, PE

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP520-5003	50A	4.8	800	1.05	16(200°C /2.16kg)
GP520-6003	60A	5.0	700	1.05	21(200°C /2.16kg)
GP520-7003	70A	5.7	700	1.05	25(200°C /2.16kg)
GP520-8003	80A	6.9	600	1.05	28(200°C /2.16kg)
GP520-8503	85A	7.5	600	1.05	20(200°C /2.16kg)
GP520-4005	40A	2.5	550	1.19	12(200°C /2.16kg)
GP520-5005	50A	3.0	550	1.19	20(200°C /2.16kg)
GP520-6005	60A	3.4	550	1.19	28(200°C /2.16kg)
GP520-7005	70A	4.2	550	1.19	30(200°C /2.16kg)
GP520-8005	80A	4.8	500	1.19	18(200°C /2.16kg)
GP520-9005	90A	6.0	480	1.20	6(200°C /2.16kg)



Lốp xe đồ chơi



Hộp đựng màu nước



Bàn chải đánh răng

4.10 GP540 Series

Thành phần	HSBC, or plus FR
Độ cứng	55A to 95A
Màu sắc	Trắng
Đặc điểm	Cảm giác mềm mại và thoải mái, Độ đàn hồi cao, Chống tia UV, chống kết tủa, Không chứa halogen
Ứng dụng	Vỏ cáp
Quy trình xử lý	Ép đùn
Vật liệu nền để ép chồng	PP, PE

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTMD1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP540-7505	75A	10	600	1.10	15(200°C /10kg)
GP540-8005	80A	12	550	1.10	20(200°C /10kg)
GP540-8506	85A	13	650	0.98	25(200°C /10kg)
GP540-9006	90A	14	600	0.98	30(200°C /10kg)
GP540-7503(N)F	75A	4.5	400	1.09	35(230°C /10kg)
GP540-8003(N)F	80A	4.8	325	1.09	30(230°C /10kg)
GP540-8503(N)F	85A	5.5	260	1.09	28(230°C /10kg)
GP540-9003(N)F	90A	6.0	250	1.09	25(230°C /10kg)



Vỏ bọc cáp USB



Vỏ bọc dây nguồn

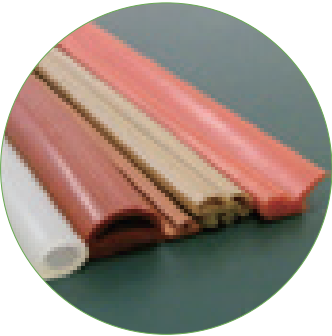


Vỏ bọc cáp kết nối nguồn

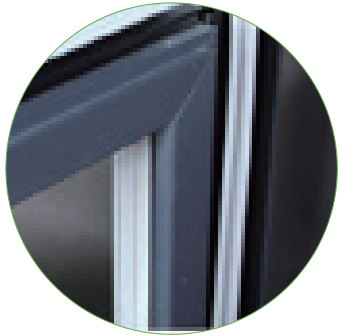
4.11 GP550 Series

Thành phần	HSBC
Độ cứng	45A to 95A
Màu sắc	White
Đặc điểm	Bề mặt mịn, Độ đàn hồi tuyệt vời, Chống tia UV, Khả năng hàn tốt, Có thể tái chế hoàn toàn
Ứng dụng	Thanh định hình
Quy trình xử lý	Ép đùn
Vật liệu nền để ép chồng	PP, PE

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP550-5504	55A	4.5	600	1.10	10 (200℃ /5kg)
GP550-6004	60A	5.1	600	1.10	8(200℃ /5kg)
GP550-6504	65A	5.8	600	1.10	6(200℃ 5kg)
GP550-7004	70A	6.2	550	1.10	4(200℃ /5kg)
GP550-7504	75A	7.0	550	1.10	3(200℃ /5kg)



Thanh định hình



Thanh định hình cửa sổ



Thanh định hình

4.12 GP610 Series

Thành phần	EPDM, PP
Độ cứng	40A to 90A
Màu sắc	White
Đặc điểm	Khả năng chống lão hóa tuyệt vời, Độ đàn hồi cao, Khả năng chịu nén xuất sắc, Không chứa halogen, Có thể tái chế hoàn toàn
Ứng dụng	Gioăng ô tô, Gioăng cửa sổ và cửa ra vào
Quy trì,nh xử lý	Ép phun, Ép đùn
Vật liệu nền để ép chồng	PP, PE

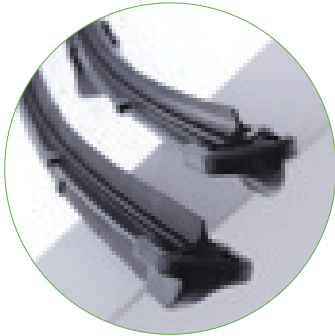
Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo	Biến dạng nén (23℃/22h))	Biến dạng nén (70℃/22h))	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D395	ASTM D395	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	%	%	g/cm ³	g/l0min
GP610-4502	45A	4.0	23	34	400	0.96	20(200℃ /5kg)
GP610-5502	55A	4.8	24	35	430	0.96	22(200℃ /5kg)
GP610-6502	65A	6.0	28	36	450	0.96	25(200℃ /5kg)
GP610-7502	75A	6.8	31	39	500	0.96	28(200℃ /5kg)
GP610-8502	85A	9.0	36	46	520	0.96	30(200℃ /5kg)



Dài gioăng cửa xe



Dài gioăng cửa sổ trời trên xe



Cần gạt nước kính chắn gió

4.13 GP640 Series

Thành phần	HSBC, FR
Độ cứng	60A to 95A
Màu sắc	Trắng
Đặc điểm	Cảm giác khô, Độ đàn hồi xuất sắc, Độ ổn định UV tốt, Không chứa halogen, Có thể tái chế hoàn toàn, Đáp ứng yêu cầu UL94-V0
Ứng dụng	Thiết bị điện tử
Quy trình xử lý	Ép phun
Vật liệu nền để ép chồng	PP, ABS, PC

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Độ bền kéo giãn	Độ giãn dài khi đứt	Tỉ trọng	Chỉ số chảy
	ASTM D2240	ASTM D412	ASTM D412	ASTM D792	ASTM D1238
	Shore	Mpa	%	g/cm ³	g/l0min
GP640-6001	60A	4.5	450	1.10	5(200°C /5kg)
GP640-6501	65A	5.8	450	1.10	7(200°C /5kg)
GP640-7501	75A	6.7	400	1.10	8(200°C /5kg)
GP640-8501	85A	7.2	400	1.10	10(200°C /5kg)
GP640-9001	90A	8.2	350	1.10	12(200°C /5kg)
GP640-9501	95A	8.8	350	1.10	14(200°C /5kg)



Vỏ bọc đầu nối



Vỏ bọc đầu nối



Vỏ bọc đầu nối

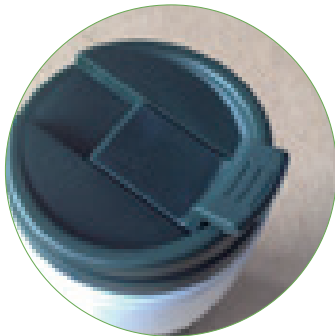
4.14 GP920 Series

Thành phần	PP, POE or wood plastic powder or filler
Màu sắc	Màu trắng, trong suốt
Đặc điểm	Độ trong suốt cao, Khả năng chống nhiệt độ cao, Độ bóng cao, Độ cứng cao, Mô đun cao, Chống cong vênh, Co rút thấp
Ứng dụng	Đồ gia dụng, Bao bì, Dụng cụ thực phẩm
Quy trình xử lý	Ép phun

Mã số sản phẩm	Độ cứng	Tỉ trọng	Chỉ số nóng chảy (230°C 2.16KG)	Nhiệt độ biến dạng nhiệt (0.455MPa)	Độ bền va đập Izod (23°C có khí)d 23°C	Độ bền uốn	Mô đun uốn
	ASTM D2240	ASTM D792	ASTM D1238	ASTM D648	ASTM D256	ASTM D790	ASTM D790
	Shore D	g/cm ³	g/10min	°C	KJ/m ²	Mpa	Mpa
GP920-4600	66	0.90	15	66	18	18	683
GP920-4500	72	0.90	13	84	4	43	1300
GP920-2504	63	1.00	12	96	43	25	1300
GP920-2506	68	1.10	22	124	6	42	2600
GP920-0035	74	1.10	18	135	45	45	4500
GP920-70D01FR	68	1.40	10	102	47	27	1400
GP920-70DWPC	80	1.35	10	126	2	49	3100



Tô và thìa



Nắp cốc



Cốc